

Số: 146.../TTTr-STNMT

Điện Biên, ngày...05 tháng 6 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt Dự án Xây dựng bảng giá  
các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày  
01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024)**

Kính gửi: UBND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức Kinh tế - Kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

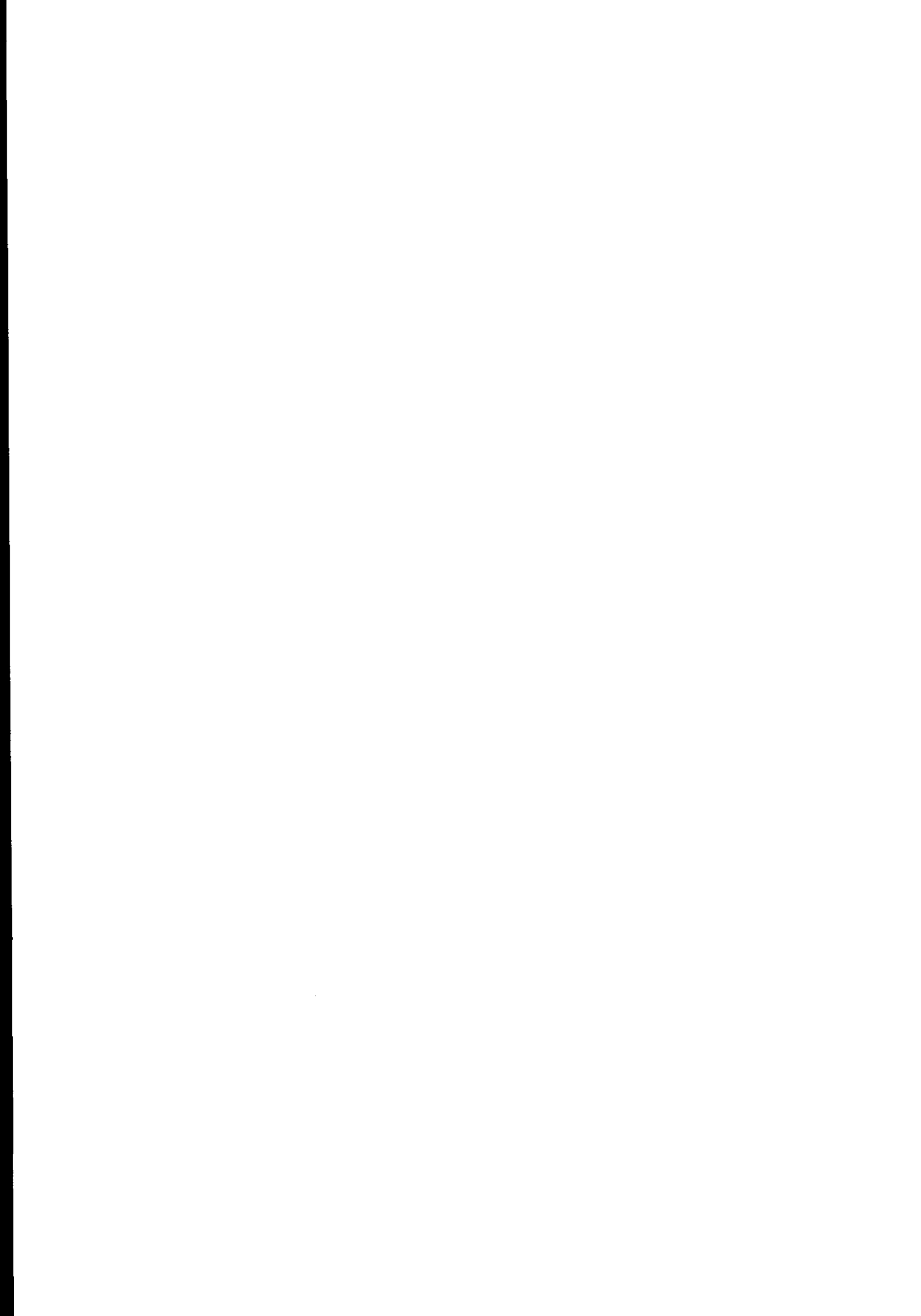
Căn cứ văn bản số 709/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất và báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Nghị định số 104/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 496/UBND-KTN ngày 28/02/2019 về việc triển khai văn bản số 709/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất và báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Nghị định số 104/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Văn bản số 819/STC-HCSN ngày 05/6/2019 về việc thẩm định dự toán kinh phí xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2020-2024.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Dự án Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024), với các nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) (có thuyết minh dự án và kinh phí chi tiết kèm theo)



## **2. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Đơn vị thực hiện dự án: Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

## **3. Mục tiêu của dự án:**

a) Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024 theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ;

b) Bảng giá đất năm 2020 được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

- Tính thuế sử dụng đất;

- Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

- Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

c) Xây dựng bảng giá các loại đất năm 2020 phải phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất.

**4. Phạm vi thực hiện dự án:** Tại 98 xã phường , thị trấn trong tỉnh

**5. Thời gian thực hiện:** Từ 01/7/2019 đến 31/12/2019.

## **6. Nội dung công việc:**

a) Công tác chuẩn bị:

- Phân vùng, phân loại vị trí, đường phố;

- Chuẩn bị tài liệu, hướng dẫn lập phiếu điều tra;

- In và cung cấp phiếu điều tra.

b) Điều tra, khảo sát thu thập thông tin về điểm điều tra:

- Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về điểm điều tra;

- Điều tra khảo sát giá đất thị trường tại điểm điều tra và tách giá trị quyền sử dụng đất (trong trường hợp thửa đất có tài sản gắn liền với đất);

- Thống kê phiếu điều tra tại mỗi điểm điều tra;
- Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại mỗi điểm điều tra.

c) Tổng hợp kết quả điều tra giá đất tại thị trường cấp huyện.

- Tổng hợp kết quả điều tra giá;
- Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra, khảo sát;

d) Tổng hợp kết quả điều tra giá đất tại cấp tỉnh.

e) Dự thảo bảng giá đất đối với từng loại đất.

- Dự thảo bảng giá đất,
- Xây dựng báo cáo thuyết minh về dự thảo bảng giá đất

### **7. Sản phẩm của dự án:**

- Kết quả điều tra, tổng hợp thống kê giá đất thị trường trên địa bàn tỉnh;
- Văn bản thẩm định bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất.
- Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất;
- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá đất năm 2020, kèm theo Báo cáo thuyết minh về dự thảo bảng giá đất;
- Dự thảo Quyết định ban hành bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:
  - a) Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm khác;
  - b) Bảng giá đất trồng cây lâu năm;
  - c) Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;
  - d) Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản;
  - e) Bảng giá đất ở tại nông thôn;
  - g) Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn;
  - h) Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn;
  - i) Bảng giá đất ở tại đô thị;
  - k) Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị;
  - l) Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị;
  - m) Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh;
  - n) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất xây dựng công trình sự nghiệp gồm đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y

tê, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác;

p) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông (gồm cảng hàng không, sân bay, cảng đường thủy nội địa, cảng hàng hải, hệ thống đường sắt, hệ thống đường bộ và công trình giao thông khác); thủy lợi; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải và đất công trình công cộng khác;

q) Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất phi nông nghiệp khác gồm đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động trong cơ sở sản xuất; đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của người sử dụng đất không nhằm mục đích kinh doanh mà công trình đó không gắn liền với đất ở.

### **8. Tổng kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án**

Tổng dự toán kinh phí để thực hiện: 396 triệu đồng, *Số tiền bằng chữ: (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)*, trong đó:

- Chi phí trực tiếp: 314 triệu đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ dự án: 11 triệu đồng;
- Chi phí khác: 71 triệu đồng;

**9. Nguồn kinh phí:** Nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế.

**10. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành xây dựng bảng giá đất.

### **11. Tổ chức thực hiện:**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án, cụ thể:

- Giao nhiệm vụ cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp triển khai thực hiện điều tra giá đất thị trường phục vụ xây dựng bảng giá đất theo dự án được duyệt và quy định của pháp luật;


- Tổ chức thực hiện đảm bảo yêu cầu khối lượng, tiến độ; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm; sử dụng thanh quyết toán kinh phí Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) theo quy định hiện hành.

- Thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh phân công trong quá trình xây dựng bảng giá đất.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm trình UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định bảng giá đất theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; kiểm tra việc sử dụng kinh phí Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) theo quy định hiện hành.

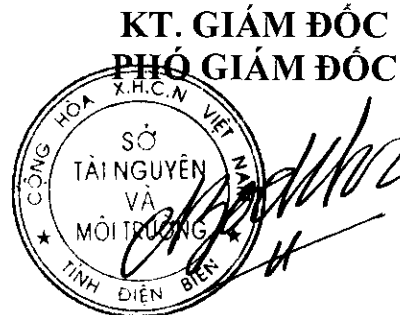
c) UBND các huyện, thị xã, thành phố.

UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung có liên quan Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024).

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Dự án Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) để các ngành, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện./ 

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở TNMT;
- Chi cục QLDD;
- Trung tâm PTQĐ;
- Lưu: VT, KHTC.



**Ngôn Ngọc Khuê**

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án Xây dựng bảng giá  
các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày  
01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức Kinh tế - Kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ văn bản số 709/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất và báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Nghị định số 104/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 496/UBND-KTN ngày 28/02/2019 về việc về triển khai văn bản số 709/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt dự án xây dựng bảng giá đất và báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Nghị định số 104/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Văn bản số 819/STC-HCSN ngày 05/6/2019 về việc thẩm định dự toán kinh phí xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2020-2024.

Xét Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 6 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường và ý kiến thẩm định dự toán kinh phí xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2020-2024 tại Văn bản số 819/STC-HCSN ngày 05/6/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) (có thuyết minh dự án chi tiết kèm theo), với các nội dung chủ yếu như sau.

**1. Tên dự án:** Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024).

**2. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Đơn vị thực hiện dự án: Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

### **3. Mục tiêu của dự án**

a) Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024 theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ;

b) Bảng giá đất năm 2020 được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

- Tính thuế sử dụng đất;

- Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

- Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

c) Xây dựng bảng giá các loại đất năm 2020 phải phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất.

**4. Phạm vi thực hiện dự án:** Tại 98 xã phường , thị trấn trong tỉnh

**5. Thời gian thực hiện:** Từ 01/7/2019 đến 31/12/2019.

### **6. Nội dung công việc**

a) Công tác chuẩn bị:



- Phân vùng, phân loại vị trí, đường phố;
  - Chuẩn bị tài liệu, hướng dẫn lập phiếu điều tra;
  - In và cung cấp phiếu điều tra.
- b) Điều tra, khảo sát thu thập thông tin về điểm điều tra:
- Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về điểm điều tra;
  - Điều tra khảo sát giá đất thị trường tại điểm điều tra và tách giá trị quyền sử dụng đất (trong trường hợp thửa đất có tài sản gắn liền với đất);
  - Thống kê phiếu điều tra tại mỗi điểm điều tra;
  - Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại mỗi điểm điều tra.
- c) Tổng hợp kết quả điều tra giá đất tại thị trường cấp huyện.
- Tổng hợp kết quả điều tra giá;
  - Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra, khảo sát;
- d) Tổng hợp kết quả điều tra giá đất tại cấp tỉnh.
- e) Dự thảo bảng giá đất đối với từng loại đất.
- Dự thảo bảng giá đất,
  - Xây dựng báo cáo thuyết minh về dự thảo bảng giá đất

## **7. Sản phẩm của dự án**

- Kết quả điều tra, tổng hợp thống kê giá đất thị trường trên địa bàn tỉnh;
- Văn bản thẩm định bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất.
- Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất;
- Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá đất năm 2020, kèm theo Báo cáo thuyết minh về dự thảo bảng giá đất;
- Dự thảo Quyết định ban hành bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:
  - a) Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm khác;
  - b) Bảng giá đất trồng cây lâu năm;
  - c) Bảng giá đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;
  - d) Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản;
  - e) Bảng giá đất ở tại nông thôn;
  - g) Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn;
  - h) Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn;
  - i) Bảng giá đất ở tại đô thị;
  - k) Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị;

l) Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị;

m) Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh;

n) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất xây dựng công trình sự nghiệp gồm đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao và công trình sự nghiệp khác;

p) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông (gồm cảng hàng không, sân bay, cảng đường thủy nội địa, cảng hàng hải, hệ thống đường sắt, hệ thống đường bộ và công trình giao thông khác); thủy lợi; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải và đất công trình công cộng khác;

q) Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất phi nông nghiệp khác gồm đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động trong cơ sở sản xuất; đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của người sử dụng đất không nhằm mục đích kinh doanh mà công trình đó không gắn liền với đất ở.

## **8. Tổng kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án**

Tổng dự toán kinh phí để thực hiện: 396 triệu đồng, *Số tiền bằng chữ: (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn), trong đó:*

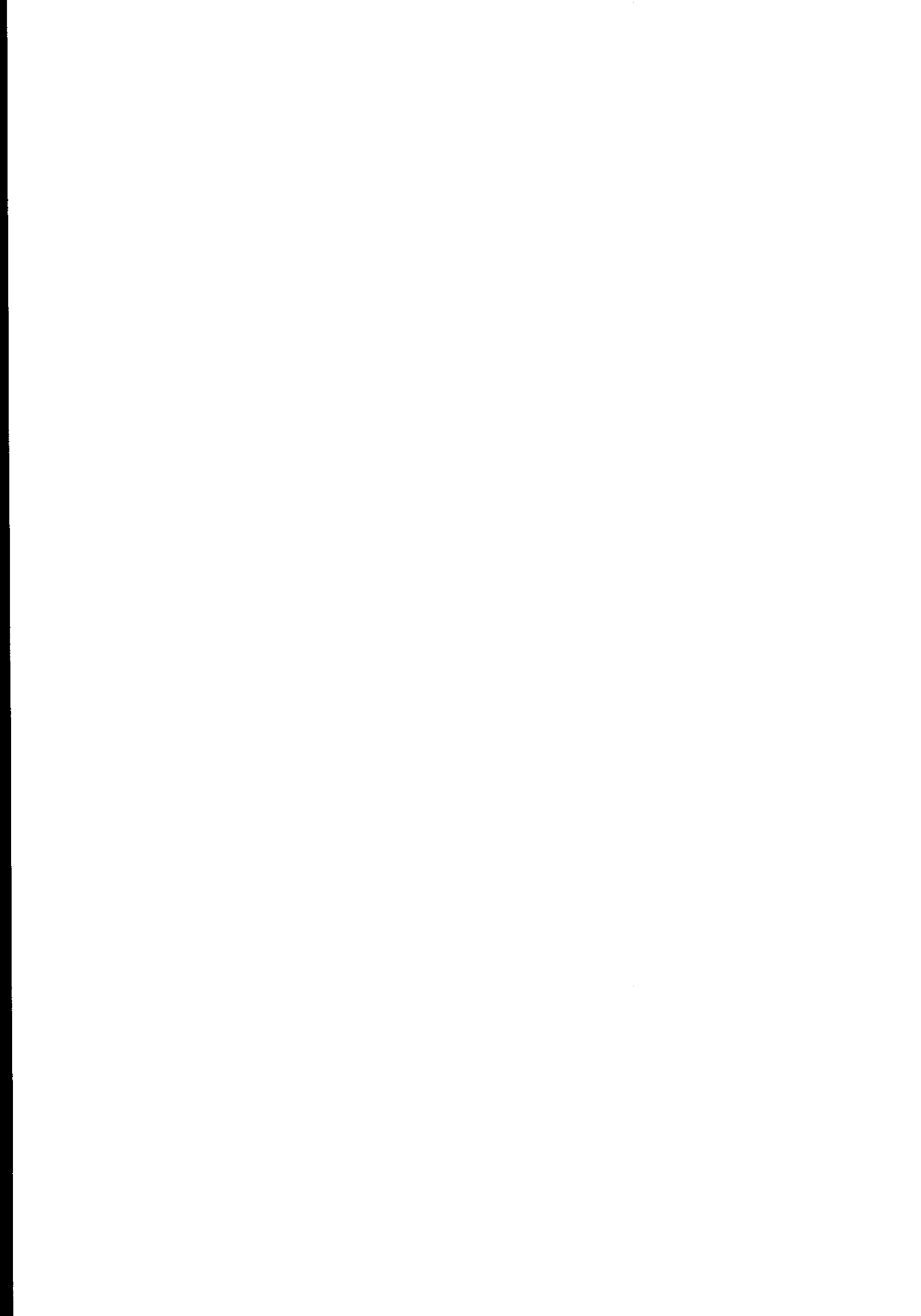
- Chi phí trực tiếp: 314 triệu đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ dự án: 11 triệu đồng;
- Chi phí khác: 71 triệu đồng;

**9. Nguồn kinh phí:** Nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế.

**10. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành xây dựng bảng giá đất.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm trình UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định bảng giá đất theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; kiểm tra việc sử dụng kinh phí Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) theo quy định hiện hành.



2. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ quy định hiện hành của nhà nước và Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, khối lượng, tiến độ; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao sản phẩm; sử dụng thanh quyết toán kinh phí Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024) theo quy định hiện hành của nhà nước; thực hiện nhiệm vụ khác do UBND tỉnh phân công trong quá trình xây dựng bảng giá đất.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung có liên quan việc Xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên áp dụng từ ngày 01/01/2020 cho thời kỳ ổn định 05 năm (từ 2020 đến 2024).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng cục thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Thủ trưởng các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. *K*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

